

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 26/7/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạch

Ông Dương Trần Tr Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 492/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Bích V**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Võ Huy Tr** - Chi nhánh văn phòng Luật sư Dương, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền:

Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 19/8A, đường Lê Thị Hồng G, phường X, thành phố M, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T. Từ cuối năm 2016 đến nay, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, anh S thường xuyên xúc phạm, bạo hành nên chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Do mâu thuẫn trầm Tr, tình cảm vợ chồng không

còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Con chung: Có hai cháu tên Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 17/10/2007 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 19/7/2014, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị yêu cầu được trực tiếp quản lý, sử dụng một căn nhà cấp 4, cất trên phần đất thửa số 479, tờ bản đồ số 24, diện tích 152,7m², tọa lạc Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH01200 ngày 16/10/2012 cho chị và anh S đứng tên. Chị thống nhất giá trị căn nhà 500.000.000 đồng, giá trị phần đất là 600.000.000 đồng, tổng cộng là 1.100.000.000 đồng, chị đồng ý hoàn trả ½ giá trị nhà và đất cho anh Nguyễn Văn S là 550.000.000 đồng.

Đối với hai phần đất trồng cây lâu năm có thửa số 403, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.774,1m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00217 ngày 12/7/2010 và thửa số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.156m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00218 ngày 12/7/2010 cho hộ ông Nguyễn Văn S, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Chị thống nhất chia theo văn bản thỏa thuận ngày 22/5/2018 và không có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án.

Đối với yêu cầu anh S chia đôi số tiền bán sầu riêng là 650.000.000 đồng, chị xin rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại đơn phản tố, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày thống nhất với chị V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, anh đồng ý ly hôn với chị Đoàn Thị Bích V.

Con chung anh đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 17/10/2007 cho chị V trực tiếp nuôi, đồng thời anh có yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 19/7/2014, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh cũng yêu cầu được trực tiếp quản lý, sử dụng một căn nhà cấp 4, cất trên phần đất thửa số 479, tờ bản đồ số 24, diện tích 152,7m², tọa lạc Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH01200 ngày 16/10/2012 cho anh và chị V đứng tên. Anh thống nhất giá trị căn nhà 500.000.000 đồng, giá trị phần đất là 600.000.000 đồng, tổng cộng là 1.100.000.000 đồng, anh đồng ý hoàn trả ½ giá trị nhà và đất cho chị V là 550.000.000 đồng.

Đối với hai phần đất trồng cây lâu năm có thửa số 403, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.774,1m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00217 ngày 12/7/2010 và thửa số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.156m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00218 ngày 12/7/2010 cho hộ ông S, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Anh thống nhất chia theo văn bản thỏa thuận ngày 22/5/2018 và không có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan

hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người T hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị V được ly hôn với anh S, giao hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung: Đối với căn nhà cấp 4 cất trên phần đất thửa số 479, tờ bản đồ số 24, diện tích 152,7m², tọa lạc Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T. Đề nghị giao cho chị V quản lý, sở hữu và sử dụng, chị V có nghĩa vụ hoàn lại cho anh S ½ giá trị nhà và đất là 550.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu rút lại việc giải quyết hai phần đất vườn và tiền bán sầu riêng của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp qui định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét, giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng về quan hệ hôn nhân chị V và anh S thống nhất ly hôn nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung hiện tại chị V đang trực tiếp nuôi, anh S đồng ý giao cháu Tr cho chị V nuôi, các bên chỉ tranh chấp nuôi cháu T. Chị V có điều kiện về kinh tế, vật chất nên việc giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục sẽ tốt hơn, có lợi hơn, đảm bảo về nhiều mặt tâm, sinh lý, tình cảm cho các cháu. Anh S thừa nhận có nhậu, thường xuyên đi làm, nuôi con nhưng không tắm rửa, cho ăn đúng giờ, việc anh S chăm sóc con không tốt sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của các cháu. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị V, giao hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung: Đối với căn nhà cất trên phần đất diện tích 152,7m², các bên chỉ tranh chấp về việc quản lý sử dụng, lúc đầu anh S đồng ý giao nhà và đất cho chị V và đồng ý nhận số tiền 500.000.000 đồng. Tiền cất nhà là của vợ chồng anh S và chị V, nhưng tiền mua đất là do mẹ chị V cho mượn. Anh S thừa nhận có đe dọa, đánh đập chị V, việc chị V đi về nhà cha mẹ ruột ở là để bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tránh xung đột xảy ra chứ không từ bỏ việc quản lý, sử dụng căn nhà. Anh S là đàn ông không ở chỗ này thì ở chỗ khác, nhận tiền với giá trị cao hơn so với qui định cũng tạo điều kiện cho anh S tìm chỗ ở khác dễ dàng hơn, thuận tiện hơn. Đề nghị giao nhà cho chị V quản lý, sử dụng là hoàn toàn phù hợp qui định của pháp luật.

Riêng hai phần đất trồng cây lâu năm có thửa số 403, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.774,1m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00217 ngày 12/7/2010 và thửa số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.156m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00218 ngày 12/7/2010 cho hộ ông S, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Do hai bên đã có văn bản thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên luật sư cũng không có ý kiến gì.

Nợ chung: Các bên đương sự thống nhất không có nên yêu cầu Tòa án không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thị Bích V có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S, yêu cầu được nuôi con và chia tài sản chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Bích V và anh Nguyễn Văn S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01, ngày 07/5/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến tình cảm không còn, nguyên nhân chị V khai do anh S làm ăn và để dành tiền riêng, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm, lo lắng cho chị nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân kéo dài nhưng không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ, điều này chứng tỏ anh chị không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V cương quyết xin ly hôn, anh S cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Bích V.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 17/10/2007 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 19/7/2014. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Tr và T, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S đồng ý giao cháu Tr cho chị V trực tiếp nuôi, anh yêu cầu được nuôi cháu T, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc ly thân đến nay, chị V là người trực tiếp trong nuôi, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, các cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tuy nhiên, theo bản tự khai ngày 17 tháng 01 năm 2018 thì cháu Tr có ý kiến, nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, chị Võ Ngọc Thúy, chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cho rằng anh S thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi về nhà, chị V làm vườn có thu nhập kinh tế ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Hơn nữa, người đại diện theo ủy quyền của anh S, chị Hảo cũng thừa nhận lúc vợ chồng anh S còn sống chung, do anh S lo kinh tế bên ngoài nên không có điều kiện chăm sóc con mà phải để cho chị V nuôi dưỡng, thời gian sau này anh S có sắp xếp công việc để ở nhà với con thường xuyên hơn. Việc anh S rước cháu Tr về chăm sóc, không tắm rửa, ngủ đúng giờ là vì anh S muốn chăm sóc con theo cách hướng ngoại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi cho các cháu, theo nguyện vọng của cháu Tr, vì chị V chưa có yêu cầu nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Theo lời trình bày thống nhất của các đương sự thì trong quá trình chung sống chị V và anh S tạo lập được các loại tài sản sau:

Phần đất trồng cây lâu năm có thửa số 403, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.774,1m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số GCN: CH00217 ngày 12/7/2010 (Theo biên bản xác minh ngày 22 tháng 5 năm 2018 thì phần đất diện tích 3.774,1m², thửa số 403, tờ bản đồ số 18, có nội dung thay đổi diện tích đất đo đạc lại là 3.776,7m², tách thành thửa đất số 547, diện tích 1.544,4m² và thửa số 548, diện tích 2.232,3m²) và thửa số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.156m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00218 ngày 12/7/2010 cho hộ ông Nguyễn Văn S, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Theo bản đồ địa chính trích đo ngày 16/4/2018 thì hai phần đất trên có diện tích là 3.072,4m², nhưng thực tế hai phần đất này có diện tích là 5.159,4m². Do có sự chênh lệch về diện tích và khác số thửa là do cơ quan có thẩm quyền cấp nhầm. Đối với hai thửa đất này các bên đương sự thống nhất sẽ tự thỏa thuận (theo văn bản thỏa thuận ngày 22/5/2018 và không có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án), không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V và người đại diện theo ủy quyền của anh S xin rút lại yêu cầu chia hai phần đất này. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn nhà cấp 4, cất trên phần đất thửa số 479, tờ bản đồ số 24, diện tích 152,7m², tọa lạc Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH01200 ngày 16/10/2012 cho anh và chị V đứng tên. Anh S và chị V thống nhất giá trị căn nhà là 500.000.000 đồng và giá trị phần đất là 600.000.000 đồng, tổng cộng là 1.100.000.000 đồng và cùng có yêu cầu được nhận sở hữu căn nhà, sử dụng phần đất và đồng ý hoàn trả lại cho phía bên kia ½ giá trị căn nhà và đất theo qui định của pháp luật là 550.000.000 đồng. Xét thấy, căn nhà là do vợ chồng anh S và chị V tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, đều do công sức của anh chị bỏ ra. Tuy nhiên, chị V là phụ nữ, nuôi con nhỏ nên việc giao căn nhà cho chị V quản lý sử dụng là thuận tiện và phù hợp qui định của pháp luật. Chị V có nghĩa vụ hoàn lại cho anh S ½ giá trị căn nhà và đất là 550.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Cho anh S lưu cư trong thời hạn 3 tháng để sắp xếp chỗ ở khác.

Riêng đối với yêu cầu chia số tiền bán sầu riêng 650.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị V có yêu cầu xin rút lại. Xét thấy, yêu cầu của chị V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp qui định của pháp luật, anh S không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Luật sư Võ Huy Tr, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích V phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Điều 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Bích V.

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Bích V được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 17/10/2007 và cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 19/7/2014 cho chị Đoàn Thị Bích V trực tiếp nuôi, anh Nguyễn Văn S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Giao cho chị Đoàn Thị Bích V quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4, cất trên phần đất thửa số 479, tờ bản đồ số 24, diện tích 152,7m², tọa lạc Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH01200 ngày 16/10/2012 cho anh Nguyễn Văn S và chị Đoàn Thị Bích V đứng tên, giá trị nhà và đất tổng cộng là 1.100.000.000 (Một tỷ, một trăm triệu) đồng. Chị V có nghĩa vụ hoàn lại cho anh S ½ giá trị căn nhà và đất là 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng và cho anh Nguyễn Văn S lưu cư trong thời hạn 3 tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Đoàn Thị Bích V và anh Nguyễn Văn S đối với hai phần đất trồng cây lâu năm có thửa số 403, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.774,1m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00217 ngày 12/7/2010 và thửa số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.156m², được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00218 ngày 12/7/2010 cho hộ ông S, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đình chỉ yêu cầu chia số tiền bán sầu riêng 650.000.000 (Sáu trăm, năm mươi triệu) đồng của chị Đoàn Thị Bích V.

Án phí: Chị Đoàn Thị Bích V phải chịu 26.300.000 (Hai mươi sáu triệu, ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.200.000 (Hai mươi ba triệu, hai trăm ngàn) đồng theo hai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15110 ngày 21 tháng 12 năm 2017 và số 15352 ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy. Như vậy, chị Đoàn Thị Bích V phải nộp tiếp 3.100.000 (Ba triệu, một trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn S phải chịu 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.250.000 (Chín triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15459 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên anh Nguyễn Văn S phải nộp tiếp 16.750.000 (Mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phụng